

NGHỊ QUYẾT
Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 05 năm (2016-2020)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ
KHOÁ XI - KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

*Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 10/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện;
Báo cáo thẩm tra số 03/BC-HĐND-BKTXH ngày 24/6/2016 của Ban Kinh tế - Xã
hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân
dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 05 năm (2016-2020),
với nội dung như sau:

1. Chỉ tiêu Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng 5 năm (2016-2020):

Số TT	Loại đất, loại rừng	Diện tích (Ha)	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020
	Tổng diện tích tự nhiên	93.623,76					
	Tổng diện tích đất lâm nghiệp, trong đó:	19.475,56	19.126,63	18.639,12	18.007,52	16.301,36	16.301,36
	- Đất có rừng	16.282,59	15.898,33	15.047,23	14.609,94	15.021,94	15.334,94
	+ Rừng tự nhiên	6.002,97	5.626,75	4.692,55	3.892,55	3.404,55	3.104,55
	+ Rừng trồng	10.279,62	10.271,58	10.354,68	10.717,39	11.617,39	12.230,39
	- Đất chưa có rừng	3.192,97	3.228,30	3.591,89	3.397,58	1.279,42	966,42
1	Đất rừng đặc dụng	0	0	0	0	0	0
2	Đất rừng phòng hộ	0	0	0	0	0	0
3	Đất rừng sản xuất	19.475,56	19.126,63	18.639,12	18.007,52	16.301,36	16.301,36

3.1	Đất có rừng	16.282,59	15.898,33	15.047,23	14.609,94	15.021,94	15.334,94
	- Rừng tự nhiên	6.002,97	5.626,75	4.692,55	3.892,55	3.404,55	3.104,55
	+ Rừng trung bình	122,51	122,51	122,51	122,51	122,51	122,51
	+ Rừng nghèo	5.880,46	5.504,24	4.570,04	3.770,04	3.282,04	2.982,04
	- Rừng trồng	10.279,62	10.271,58	10.354,68	10.717,39	11.617,39	12.230,39
	+ Cây công nghiệp	10.016,91	10.016,91	10.100,01	10.412,72	11.212,72	11.700,72
	+ Cây lâm nghiệp	262,71	254,67	254,67	304,67	404,67	529,67
3.2	Đất chưa có rừng	3.192,97	3.228,3	3.591,89	3.397,58	1.279,42	966,42
-	Trạng thái IA, IB, IC	327,05	371,73	1.183,27	1.049,07	737,07	549,07
-	Đất xâm canh	1.715,51	1.706,16	1.706,16	1.706,16		
-	Đất khác (Đất ở, đường sá, sông suối, ...)	1.150,41	1.150,41	702,46	642,35	542,35	417,35

2. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Nhà nước: 1.513.800.000 đồng (Một tỷ, năm trăm mười ba triệu tám trăm ngàn đồng); hàng năm Hạt Kiểm lâm xây dựng chi tiết các hạng mục gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

- Vốn ngoài ngân sách do chủ rừng tự quyết định, trong đó có từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện, giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đông Phú khoá XI, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 27/6/2016 và có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Công báo tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Hai Ban HĐND huyện;
- UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng, ban, ngành đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV các khối;
- Lưu: VT



Trần Văn Hồng